# Trung A Ham - Thich Tue Sy dich (8)

*Kinh A Hàm — Trung A Hàm*

Trung A Ham - Thich Tue Sy dich

Thư mục BuddhaSasana

Lưu ý: Đọc với phông chữ CN-Times nâng cấp hay Arial Unicode MS

Trung A H m Kinh

Mục Lục Tổng Quát

01. PHẨM BẢY PHÁP

01. Kinh Thiện Pháp

02. Kinh Trú Đạc Thọ

03. Kinh Thành Dụ

04. Kinh Thủy Dụ

05. Kinh Một Tích Dụ

06. Kinh Thiện Nhân Vãng

07. Kinh Thế Gian Phước

08. Kinh Thất Nhật

09. Kinh Thất Xa

10. Kinh Lậu Tận>/a>
!` $
( $ 06. PHẨM`nGHIỆP TfƠG ƯNG
0 ( ( "
` ` " 03. PHẠM XÁ-LÊ TỬ TƯƠNG ƯNG ! 8 $ 0 04n PHẩM VỊ TĶNG HỮU0PHÁP - $ 0 `
0 "
` ` THẨL TẬ TƯẪNG ƯNG=/`> ` $ ( $ 'tr>
$ ' ( td> 06. PHẨM FẪNG TƯƠNG NG
( (" " !
( ( ` 07.!PHẩM TRţỜNG THỜ VƯƠNG ,
$
( 0 `
0 ` 08. PHẨM UẾ
09. PHẨM NHÂN

10. PHẨM LÂM

11. PHẨM ĐẠI (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần đầu)

12. PHẨM PHẠM CHÍ (Phần sau)

13. PHẨM CĂN BỔN PHÂN BIỆT

0 (( $ 8& 14. PHMTÂI

( ( ` ` (
" 1%. PHẨM WONG
("

16. PHẨM ĐẠI
8 $! (Ph'n rau) 4/a>
" !
0 " ! |td> 17. PHẨM(B-ĐA-LỢI>+c>
( $ ( (

Sourae: LopusMedia >a,href="http://www.lotsutia.nmp">lotuqm%dia.ngt " ! 0 ( $ ( ,/tbody>

"

KINH TRUNG A HÀM

Hán Dịch: Phật Đà Da Xá & Trúc Phật Niệm, Việt Dịch & Hiệu Chú: Thích Tuệ Sỹ

1. PHẨM BẢY PHÁP 8. KINH THẤT NHẬT [1] T ôi nghe như vầy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Bệ-xá-li trong rng cây Nại thị|a ttlmphref="#_ftn7" name-"VFtnbef3">[03] .

" “Tất c cáa jèNx đều vô thưỜng, là phãpkhông vnh cửu, tháp jhóng ổi th!y, php KhôNg thị nương ta [p4] [05] . Ngay"khi khäng mƐa ậy tt c cây bốh, trăm`|hứ ,úa, |ly$đều khô héo, đ nát, c`ếtc, {hông tlể dhường tR. Vì tế tất ch0c¡c hành ều vô"t(ườnf, l3 pháp không vnh bửu, phãp chóog đẓi(thay, 0hắp h4ng thể nương tựa. Các hàNhnhư0vẽy khđngdnên tlam0đắo!mà hi nHờm tm “Lại nữa, có lúc hai mặt trời cùng xuất hiện. Khi hai mặt trời xuất hiện, các rãnh ngòi, sông lạch, thảy đều khô cạn, không thể thường trụ. Vì thế tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, lúc có ba mặt trời cùng xuất hiện. Khi ba mặt trời xuất hiện, tất cả dòng sông lớn [06] đều khô cạn, không thể thường trụ. Do đó, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bốn mặt trời cùng xuất hiện. Khi bốn mặt trời xuất hiện, các dòng suối lớn, từ đó phát nguyên năm con sông lớn của châu Diêm-phù: Một là Hằng-già; hai là Dao-vưu-na; ba là Xá-lao-phu; bốn là A-di-la-bà-đề và năm là Ma-xí [07] , các dòng cuối nguồn nước lớn ấy đều khô cạn cả, không thể thường trụ. Do đó các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng đổi thay, pháp không thể nương tựa, các hành như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, nên tìm giải thoát.

“Lại nữa, có lúc năm mặt trời cùng xuất hiện. Khi năm mặt trời cùng xuất hiện, nước trong biển lớn sụt xuống một trăm do-diên [08] ; sụt dần đến bảy trăm do-diên. Khi năm mặt trời xuất hiện như vay. biển cã m# nượ̣c bḥ} trăe Do-dIËn sụt dần ến iột drăm do-liên Khi făm mặt tbi cùn uẅt haện, nước!dbong biển lớn sụt một cây Đa-la+ sụt dần đẽn bảy c+y Đa-Ha [09] [12] ; sụt dần cho đến bảy ngưi&!hi nM mt trời c9nf xuấp hin, nhng bin có mực!nưac by ngườI ciảm dn ến vq), Đến lưng, đến hng, ến ầu gối, đặn"mắt`cá; cho đến lúc nướb biển rá$hết khüng đủ$chm mĪt ng²j&chân, cxo nên0tấd aả các hàlj đều vô |hường, là!pháp jhôfg vlh cử5- php chóng thay đổi, pháp"chẳng hể nĭơng tựa. Các (n( như vậy không nên tham đắm, mà phải nhờm tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc sáu mặt trời xuất hiện. Khi sáu mặt trời cùng xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di [11] , thảy đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Ví như thợ gốm lúc mới nhen bếp, tất cả đều bốc khói, tạo thành một đám khói. Cho nên tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm tởm, ghê sợ, nên tìm sự xả ly, tìm sự giải thoát.

“Lại nữa, có lúc bảy mặt trời xuất hiện. Khi bảy mặt trời xuất hiện, tất cả đại địa, núi chúa Tu di thảy đều phụt cháy bừng bừng, tạo thành một ngọn lửa rực rỡ. Như vậy, khi bảy mặt trfi cng0xwt hiện. thì!|ạt cẃ đại địa`và núi chúa u di thy Đ˜U pht$cháy Bừng bừng(to tHành mỹT ngọn l!. Gi tlổi ngọj lṭa0ấy vưΣn cHo đếo trời Rhạm thiên [10 . Lúc ēó ác vỊ trời H/åjGdục [13] va$mớ sanh lên cõi nèq, khô.grõ thành bại củath giaN. Vì khЧng biế sự Tành bạ a thế ghan khi(Thy ngọn lọa ) đạ), đều qợhCi tống!lông m suy nghĩ nɛ th nđy Lửa khôngđẻn đây được cjăng?(Lửa khônG đến ıây"được chăng? Cák vị trời sinh trưcɛều bi:t$rý sṭ thành bại cỷc thế gian, đu đã thấy việc thè.h bại cỦa(thy gian. Do biết {ự thà.x bẠi của thặ gian, Khi thấy nbọn lửa t đi, liền an ủi gác va$trời Kia r~g: ‘Ch`nên sợ hãi. Lửa cháy chỉ(n'ang đó, không`th lê. đến đây được’.

“Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di sụp lở, tán hoại, diệt tận, một trăm do-diên, hai trăm do-diên, ba trăm do-diên, cho đến bảy trăm do-diên. Khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và đại địa này cháy tan, hủy diệt, không còn tro than gì cả. Cũng như đốt dầu bơ, cháy cho tiêu hết không còn khói đen [14] . Cũng vậy, khi bảy mặt trời cùng xuất hiện, núi chúa Tu di và cõi đại địa này cháy không còn tro than. Cho nên, tất cả các hành đều vô thường, là pháp không vĩnh cửu, pháp chóng thay đổi, pháp không thể nương tựa. Các hành như vậy không nên tham đắm mà phải nhờm

tởm, ghê sợ, tìm sự xả ly, tìm cầu giải thoát.

“Nay Ta nói cho các ngươi biết, ai có thể tin được rằng: ‘Núi chúa Tu di sẽ sụp đổ?’ Chỉ$có nhng người thq được sự thật|a title href="#_ftn15" nqie="_ftnref15">[15] . Nay Ta ói cho cák ngưi jiết, ai có thể tin đưa# rằng: ‘Nyc troog đại hải sẽ khô cạn tất c?’0Ghỉ cÓ nhữnnngười đç thấy sỰ thật. Nay Ta4nó cho c!c ngươi bi:tai có thể"tin rằng: VẤd c đại đHa ỉu ch!ysạch?’ Chỉ c nhữnwfg0ờI đã thḥy rự txậ4. Vì sao vy? “Này các T-+huo, xưa ý vṇ đại`sư têl!là hin&Lhn̄n [16] ε0ợc$các tiÊN nhân ngoi ıo`tôn làm ậc thầi [1w] , Ƒã xả ly dục ái [1x] , chứng như ù túc .!Đại sư Thiện Nhãn ó vô lượng rrăm ngàn đệ`to ại sư$Thin Nhón dạy phM tha: ph!p chm"aác đệ t- [20] . Khi đại sư Thiện Nhãn dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà hoặc sanh lên trời Tha hóa, hoặc sanh lên trời Tha hóa lạc [21] .

“Khi đại sư Thiện Nhãn dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất [22] , xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc ấy đại sư Thiện Nhãn nghĩ như vầy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ [23] , sau khi tu tăng thượng từ rồi, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục [24] ’.

“Đại sư Thiện Nhãn liền sau đó tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sanh lên trời Hoảng dục. Đại sư Thiện Nhãn và các đệ tử học đạo không uổng công, đạt được quả báo lớn.

“Này các Tỳ-kheo, các ngươi nghĩ sao? Xưa kia đại sư Thiện Nhãn được hàng tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc, các ngươi cho là người nào khác chăng? Chớ nghĩ như vậy. Nên biết, đó là Ta vậy. Vào thời đó, Ta là Thiện Nhãn đại sư, được tiên nhân ngoại đạo tôn kính là bậc thầy, xả ly dục ái, chứng như ý túc; lúc đó ta có vô lượng trăm ngàn đệ tử. Ta dạy Phạm thế pháp cho các đệ tử. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, trong số các đệ tử có người phụng hành không đầy đủ pháp ấy. Người ấy sau khi mạng chung hoặc sanh lên cõi trời Tứ vương hoặc trời Tam thập tam, hoặc trời Diệm-ma, hoặc trời Đâu-suất-đà, hoặc sanh lên trời Tha hóa. Khi Ta dạy Phạm thế pháp, nếu có người phụng hành đầy đủ pháp ấy, người ấy tu bốn Phạm thất, xả ly các dục, sau khi mạng chung người ấy sanh lên trời Phạm thiên. Lúc đó Ta nghĩ như vầy: ‘Ta không nên cùng với các đệ tử cùng sanh chung một nơi nào vào đời sau. Nay ta hãy tu thêm tăng thượng từ. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung sẽ được sanh lên trời Hoảng dục’. Sau đó, Ta lại tu thêm tăng thượng. Sau khi tu tăng thượng từ, mạng chung được sanh lên trời Hoảng dục. Thời ấy Ta và các đệ tử học đạo không hư uổng, được quả báo lớn.

“Thời ấy Ta thân hành đạo này để lợi ích cho mình và lợi ích kẻ khác, làm lợi ích cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm cầu nghĩa, và sự lợi ích, tìm sự an ổn và khoái lạc. Lúc bấy giờ Ta nói pháp chưa đến chỗ rốt ráo; không rốt ráo bạch tịnh, không rốt ráo phạm hạnh. Vì không rốt ráo phạm hạnh, nên bấy giờ Ta không xa

lìa được, sanh, lão, bệnh, tử, than khóc, buồn rầu; cũng chưa thể thoát được tất cả khổ não.

“Này các Tỳ-kheo, Ta nay xuất hiện ở đời, là Như Lai, Bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự [25] , Thiên Nhân Sư, gọi là Phật, là Đấng Chúng Hựu [26] .

“Ta nay đã làm lợi ích cho chính mình, cũng làm lợi ích cho kẻ khác, làm lợi cho mọi người, cảm thương thế gian, vì trời và người mà tìm nghĩa và sự lợi ích, tìm sự an ổn khoái lạc. Nay Ta thuyết pháp đã đạt được chỗ rốt ráo, rốt ráo bạch tịnh, rốt ráo phạm hạnh. Do rốt ráo phạm hạnh, ta nay đã lìa khỏi sanh, lão, bệnh, tử, khóc than, buồn rầu. Nay Ta đã được giải thoát mọi khổ não”.

Đức Phật thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

-ooOoo-

Chú thích:

[01] Về bảy mặt trời xuất hiện. Tương đương Pāli: A. VII. 62 Suriya (Satta-suriya). Biệt dịch, No.30 Phật Thuyết Tát-bát-đa tô-rị-du-nại-dã Kinh, Tống, Pháp hiền dịch (Đại 1, tr.811); No.125 (40.1) Tăng Nhất 34, “Thất Nhật Phẩm, kinh số 1”. [02] Bệ-xá-li; Pāli: Vesali. Thủ phủ của bộ tộc Licchava. [03] Nại thị thọ viên , vườn cây của họ Nại, tức vườn xoài. Pāli: Ambapālivāna, do kỹ nữ Ambapāli cúng dường Phật. [04] Hán: vô thường , bất cửu trụ pháp , tốc biến dịch pháp , bất khả ỷ pháp . Pāli: anicca, adhuva, anassāsika. [05] Hán: hữu thời bất vũ , đây chỉ đại hạn vào lúc tận thế. Pāli: hoti kho so, bhikkhave, samayo yaṃ kadāci karahaci dīghassa addhuno accayena bahūni vassāni bahūni vassatāni bahūni vassasahassāni bahūni vassasatasahassāni devo na vassati, “Này các Tỳ-kheo, có một thời gian nhiều năm, nhiều trăm năm, nhiều nghìn năm, trời không mưa”. [06] Bản Pāli liệt kê bốn sông lớn: Gaṃgā, Yamunā, Aciravatī, Sarabhū. [07] Diêm-phù châu ngũ hà . Hằng-già (Pāli: Gaṃga), Dao-vưu-na (Pāli: Yamunā), Xá-lao-phù (Pāli: Sarabhū), A-di-la-bà-đề (Pāli: Aciravatī) Ma-xí (Pāli: Mahī). Bản Pāli liệt kê các hồ lớn, phát nguyên của các sông lớn. Các hồ lớn: Anotattā, Sihapapātā, Rathakārā, Kannamunda, Kunalā, Chaḍantā, Mandakinī. [08] Hán: do-diên cũng nói là do-tuần . Pāli: yojana, dài khoảng bảy dặm Anh. [09] Hán: đa-la thọ . Cùng loại cây thốt nốt hay cây cọ, dùng làm đơn vị đo chiều cao. [10] Các bản Tống-Nguyên-Minh: thập nhân ; bản Cao-ly: nhất nhân . Nghĩa là bằng chiều cao một người trung bình. [11] Hán: Tu di sơn vương . Pāli: Sineru pabbatarājā. [12] Hán: Phạm thiên , tầng thứ nhất thuộc Sơ thiền. Pāli: Brāhma-loka, Phạm thiên giới. No.30: Lửa đốt cháy cả cõi trời sơ thiền, ngọn lửa ngang đến cõi trời Nhị thiền. [13] Hán: Hoảng dục chư thiên , cũng gọi là Quang âm thiên , hay Cực quang thiên . Tầng thứ ba thuộc Nhị thiền. Pāli: Ābhassarā. [14] Hán: yên mặc . Các bản Tống-Nguyên-Minh: yên diệm . No.30: Đốt đèn bằng dầu tô (bơ), cháy đến hết; đèn tắt thì dầu cũng cạn sạch. [15] Hán: duy kiến đế giả. Pāli: aññatra diṭṭhapadehi, ngoại trừ những người nhìn

thấy tận mắt. [16] Thiện Nhãn . Pāli: Sunetta. [17] Pāli: satthā... titthakaro, vị Đạo sư thuộc ngoại đạo. [18] Pāli: kāmesu vītarāgo, không còn ham muốn trong các tình dục. [19] Tức có phép thần thông. Pāli không có chi tiết này. [20] Pāli: Brahmalokasahavyatāya dhammaṃ desesi, “giảng dạy pháp về sự cộng trú với Phạm thiên giới”. [21] Tứ vương thiên (Pāli: Cātummahārājikā devā), Tam thập tam thiên (Tāvatiṃsa), Diệm-ma thiên (Pāli: Yāma), Đâu-suất-đà thiên (Tusita), Tha hóa thiên . (Nimmānarati), Tha hóa lạc thiên . (Paranimmita-vasavatin). [22] Hán: (tứ) Phạm thất , cũng gọi là Phạm trụ hay Phạm đường , tức bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ và xả. Pāli: Brahmavihāra. [23] Hán: tăng thượng từ . Pāli: uttari mettā, từ cao hơn. [24] Xem cht.13. [25] Hán: Đạo Pháp Ngự , thường nói là “Điều Ngự Trượng Phu” . Pāli: purisadammasārathi. [26] Hán: Chúng Hựu , tức Thế Tôn. Pāli: Bhagavant.

-ooOoo-

trang trước

đầu trang

trang kế

[ Thư mục BuddhaSasana ]

*Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.*